

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01.6.2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bảo Khuyên

2. Ông Nguyễn Văn Tới

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – là Thư ký Tòa án nhân dân Thành Phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố T N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 22, tổ 7, ấp TH, xã T, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Phan Nhật N, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 1, đường số 27 Điện Biên Phủ, khu phố H, phường T, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Thu H trình bày:

Chị và anh N tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Sống hạnh phúc cho đến tháng 11 năm 2013 anh chị có nhiều mâu thuẫn, năm 2014 chị làm đơn xin ly hôn. Tại bản án số 31/2014 ngày 09.7.2014 của TAND thành phố TN, tỉnh Tây Ninh xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị, anh chị về sống lại, trong thời gian này anh chị cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn kéo dài cho đến cuối năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh N không lo lắng cho gia đình, ghen tuông nói chị có quan hệ tình cảm với người khác, từ đó anh chị gây gổ thường xuyên và sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay, chị và anh N không liên lạc với nhau. Nay chị xin ly hôn.

Con chung: Có 03 người tên Phan Hà Nam A, sinh ngày 24.4.2004; Phan Hà Anh K, sinh ngày 11.9.2009; Phan Hà Trà M, sinh ngày 08.6.2020, hiện con Nam A đã trưởng thành, con Anh K, Trà M sống chung với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con Anh K, Trà M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn anh Phan Nhật N trình bày tại biên bản ngày 14.4.2023*

Về quan hệ hôn nhân, con chung theo chị H trình bày là đúng, mâu thuẫn trầm trọng là từ cuối năm 2022 anh ghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người khác, thực tế biết là vậy nhưng không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án, từ đó vợ chồng gây gổ thường xuyên và sống ly thân cho đến nay không có liên lạc với nhau. Nay chị H xin ly hôn anh xin đoàn tụ

Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố T N trình bày việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và HĐXX:

+Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51,56, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Thu H đối với anh Phan Nhật N; về con chung: Giao cháu Phan Hà Anh K, sinh ngày 11.9.2009; Phan Hà Trà M, sinh ngày 08.6.2020 cho chị H nuôi dưỡng, Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Nhật N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thu H và anh Phan Nhật N chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét về mâu thuẫn thì thấy rằng: Chị H và anh N sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2013 thì mâu thuẫn, năm 2014 chị H làm đơn xin ly hôn. Tại bản án số 31/2014

ngày 09.7.2014 của TAND thành phố TN, tỉnh Tây Ninh xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, sau đó anh chị về sống lại, đến cuối năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân cho đến nay, do anh N ghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người khác, nhưng anh N không có chứng cứ chứng minh, từ ngày chị H nộp đơn xin ly hôn đến nay anh N cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H và anh N được ly hôn.

- Về con chung: Anh chị xác định có 03 người Phan Hà Nam A, sinh ngày 24.4.2004; Phan Hà Anh K, sinh ngày 11.9.2009; Phan Hà Trà M, sinh ngày 08.6.2020, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi hai con Anh K và Trà M, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Qua hỏi ý kiến cháu K có nguyện vọng sống với chị H, cháu Trà M hiện sống chung với chị H, nên giao 02 con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu; con tên Phan Hà Nam A, sinh ngày 24.4.2004 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu H xử cho chị và anh Phan Nhật N được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Phan Thị Thu H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con Phan Hà Anh K, sinh ngày 11.9.2009; Phan Hà Trà M, sinh ngày 08.6.2020, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu; con Phan Hà Nam A, sinh ngày 24.4.2004 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết

Không ai được ngăn cản anh N quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

4. Về án phí: Chị Phan Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001785 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành Phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Minh Bình

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- THADS Thành Phố TN;
- VKSND Thành phố TN;
- Các đương sự;
- UBND phường Ninh Thạnh
- Lưu HS, TA.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Trần Phúc Hoàng Đình Ngân

Nguyễn Thị Minh Bình

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Văn Hà- Nguyễn Thị Thu Ba

Nguyễn Thị Minh Bình

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- THADS huyện Châu Thành;
- VKSND huyện Châu Thành
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

